

Số: 36/2017/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 03 tháng 10 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thực hiện hỗ trợ giá thuê hạ tầng đối với các nhà đầu tư thứ cấp thuê lại đất trong các Khu công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách theo Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số biện pháp đặc thù thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/06/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 18/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 57/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số biện pháp đặc thù thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;*

*Căn cứ Văn bản số 6797/UBND-CN3 ngày 31/8/2017; các ý kiến tham gia của thành viên UBND tỉnh;*

*Theo đề nghị của Ban quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Phúc tại Tờ trình số 1058/TTr-BQLKCN ngày 04/8/2017; Báo cáo số 47/BC-STP ngày 12/5/2017 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định chính sách hỗ trợ giá thuê hạ tầng tại các Khu công nghiệp (viết tắt là KCN) được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách.

2. Đối tượng áp dụng: các nhà đầu tư thứ cấp thuê lại đất gắn với cơ sở hạ

tầng trong KCN.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Một số từ ngữ trong Quyết định này được hiểu như sau:

1. “*Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN*” (sau đây gọi tắt là Chủ đầu tư KCN) là doanh nghiệp thực hiện việc đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN.

2. “*Nhà đầu tư thứ cấp*” là cá nhân, tổ chức có dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư sản xuất kinh doanh và có trụ sở chính đặt tại tỉnh Vĩnh Phúc, thực hiện thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng trong KCN.

3. “*Ngân sách hỗ trợ*” là khoản kinh phí thuộc ngân sách của tỉnh cân đối để hỗ trợ cho nhà đầu tư thứ cấp trong KCN theo Quyết định này.

4. “*Giá thuê hạ tầng KCN*” là giá tiền thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng KCN, bao gồm tiền sử dụng hạ tầng KCN và tiền san lấp mặt bằng, nhưng không bao gồm tiền thuê đất theo quy định của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và chi phí sử dụng điện, nước, thông tin liên lạc, chi phí xử lý nước thải.

## **Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ**

1. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Đảm bảo lợi ích hợp pháp và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư. Không phân biệt giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

b) Nhà đầu tư được hỗ trợ theo Quyết định này chỉ được hỗ trợ một lần sau khi dự án đã đi vào hoạt động và có phát sinh doanh thu của các ngành nghề, lĩnh vực quy định tại khoản 1, Điều 4 Quyết định này đối với dự án đầu tư mới hoặc hoàn thành xong việc đầu tư xây dựng trên diện tích đất mở rộng trong KCN đối với dự án đầu tư mở rộng theo đúng tiến độ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư.

c) Trường hợp pháp luật, chính sách mới được ban hành có các quyền lợi và hỗ trợ cao hơn với quyền lợi và mức hỗ trợ mà nhà đầu tư đã được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được hưởng các quyền lợi, ưu đãi mới trong thời gian còn lại (nếu có) kể từ ngày pháp luật, chính sách mới có hiệu lực.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đối với dự án đầu tư mới: nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng các quy định của Nhà nước và các cam kết về mục tiêu, quy mô vốn đầu tư, xây dựng, quy mô sản phẩm và tiến độ đầu tư dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Đối với dự án đầu tư mở rộng sản xuất: nhà đầu tư sử dụng đất có hiệu quả, mở rộng quy mô vốn đầu tư, xây dựng, nâng cao chất lượng sản phẩm, đổi mới công nghệ, giảm ô nhiễm môi trường và đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Mật độ xây dựng của dự án trước khi mở rộng đạt 60% diện tích đất đã đăng ký thuê hoặc diện tích đất còn lại không đủ để xây dựng thêm nhà xưởng dự kiến mở rộng;

- Đăng ký tăng diện tích đất trên 20% so với diện tích đất đã thuê tại KCN hiện tại trước đó và có mức vốn đăng ký đầu tư mở rộng tối thiểu đạt 5 triệu USD/1ha.

c) Trường hợp dự án đầu tư vừa hoạt động sản xuất, vừa có hoạt động gia công, lắp ráp và các hoạt động sản xuất, dịch vụ khác với lĩnh vực quy định tại khoản 1, Điều 4 Quyết định này, thì doanh thu của hoạt động sản xuất phải chiếm trên 50% tổng doanh thu của dự án.

#### **Điều 4. Danh mục các dự án được hưởng hỗ trợ, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ**

##### **1. Danh mục các dự án được hưởng hỗ trợ**

a) Các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc các lĩnh vực: Ô tô, xe máy, cơ khí chính xác, công nghiệp điện tử, viễn thông và công nghiệp hỗ trợ phục vụ các lĩnh vực nêu trên, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư của tỉnh;

b) Các dự án thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích đầu tư phát triển theo Quyết định số 66/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Các dự án dịch vụ phục vụ nhà đầu tư trong KCN (logistics, kho vận, kiểm toán, hải quan, thuế, bảo hiểm);

d) Các dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của Chính phủ;

e) Các dự án quan trọng có ý nghĩa lớn về kinh tế - xã hội, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư của tỉnh do Thường trực Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh xem xét, chấp thuận đầu tư, đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Dự án có quy mô vốn đầu tư lần đầu từ 50 triệu USD hoặc 1.200 tỷ VND trở lên;

- Dự án có đóng góp cho ngân sách của tỉnh (thu nội địa) từ 50 tỷ đồng trở lên /năm (Có tính số tiền nộp ngân sách được miễn giảm theo quy định);

- Dự án của các tập đoàn có thương hiệu toàn cầu, có uy tín và nhà đầu tư cam kết vận động, thu hút đầu tư thêm các dự án thuộc lĩnh vực hỗ trợ phù hợp với định hướng thu hút đầu tư của tỉnh được Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh chấp thuận.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 10% giá thuê hạ tầng KCN (chưa có VAT) đối với dự án đầu tư mới và 12% giá thuê hạ tầng KCN (chưa có VAT) đối với dự án đầu tư mở rộng, nhưng tối đa không quá 5 tỷ đồng/01 dự án.

3. Thời gian áp dụng: Chỉ hỗ trợ đối với các dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến ngày 31/12/2020.

4. Nguồn kinh phí: Hàng năm ngân sách tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ.

#### **Điều 5. Trình tự, cách thức, hồ sơ, thời gian thực hiện hỗ trợ**

1. Trình tự, cách thức thực hiện:

a) Sau khi dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh đối với dự án đầu tư mới hoặc hoàn thành xong việc đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư mở rộng, Nhà đầu tư nộp Hồ sơ đề nghị hưởng hỗ trợ tại Ban quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Phúc (sau đây gọi tắt là Ban quản lý).

- Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc Ban quản lý chuyển hồ sơ đến các cơ quan chức năng liên quan để thẩm định, xác nhận nhà đầu tư đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ.

- Trong thời hạn không quá bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ do Ban quản lý chuyển đến, các Sở, ngành liên quan có ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi về Ban quản lý tổng hợp. Trong trường hợp cần thiết, Ban quản lý tổ chức hội nghị lấy ý kiến tham gia của các sở, ngành liên quan.

- Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan, Ban quản lý tổng hợp, lập báo cáo trình UBND tỉnh quyết định việc nhà đầu tư đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ.

- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trình của Ban quản lý, UBND tỉnh xem xét quyết định cho nhà đầu tư được hưởng chính sách hỗ trợ.

Việc nộp, chuyên, trả hồ sơ, kết quả theo cách thức trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện, nhưng phải đảm bảo giới hạn thời gian giải quyết theo quy định.

b) Sau khi nhận được quyết định hỗ trợ kinh phí của UBND tỉnh, Nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị đến Sở Tài chính để thực hiện các thủ tục hỗ trợ tiếp theo, gồm có:

- Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách: Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư, Sở Tài chính cấp mã số quan hệ ngân sách cho Nhà đầu tư.

- Cấp kinh phí hỗ trợ: Trong vòng 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư, Sở Tài chính thực hiện cấp phát kinh phí cho Nhà đầu tư theo quy định.

2. Thành phần hồ sơ đề nghị hưởng hỗ trợ: 01 bộ, nộp tại Ban quản lý, bao gồm:

- Văn bản đề nghị hưởng hỗ trợ của Nhà đầu tư, có đầy đủ những nội dung sau: tên dự án; vốn đầu tư; mục tiêu hoạt động; diện tích đất sử dụng; địa điểm thực hiện dự án; nội dung đề nghị hỗ trợ; tổng chi phí thuê hạ tầng; số tiền đề nghị hỗ trợ; tên, số tài khoản ngân hàng nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch để chuyển tiền.

- Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm đề nghị hưởng hỗ trợ;

- Bản sao chứng thực Quyết định chủ trương đầu tư hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Bản sao chứng thực Hợp đồng thuê lại đất có hạ tầng và chứng từ nộp tiền thuê lại đất có hạ tầng KCN;

- Bản sao thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ nghiệm thu bàn giao công trình;

- Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao tại Việt Nam (nếu có); Giấy xác nhận dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (nếu có);

- Bản sao chứng thực các loại văn bản, chứng từ hợp pháp, hợp lệ có liên quan chứng minh bảo đảm các điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư.

3. Thời gian thực hiện: Không quá 40 ngày làm việc.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

### **1. Ban quản lý**

a) Hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ đề nghị hưởng hỗ trợ;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định hồ sơ hưởng hỗ trợ, xác minh giá thuê hạ tầng giữa nhà đầu tư thứ cấp và Chủ đầu tư KCN;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện hỗ trợ;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện các tiêu chí đáp ứng các điều kiện hưởng hỗ trợ của doanh nghiệp; tham mưu, báo cáo đề xuất UBND tỉnh phương án xử lý đối với các dự án đầu tư không thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và của tỉnh.

### **2. Sở Tài chính**

a) Hướng dẫn nhà đầu tư trình tự, thủ tục cấp kinh phí hỗ trợ;

b) Phối hợp với Ban quản lý thẩm định, xác minh giá thuê hạ tầng giữa nhà đầu tư thứ cấp và Chủ đầu tư KCN;

c) Hàng năm cân đối, bố trí nguồn vốn để bảo đảm thực hiện kịp thời, có hiệu quả chính sách hỗ trợ tại quyết định này.

3. Sở Công thương: phối hợp với Ban quản lý thẩm định hồ sơ, xác minh đối tượng hưởng hỗ trợ thuộc lĩnh vực sản xuất ô tô, xe máy, cơ khí chính xác, công nghiệp điện tử, viễn thông và công nghiệp hỗ trợ phục vụ các lĩnh vực này.

4. Các sở, ngành có liên quan: trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tham gia ý kiến khi có văn bản đề nghị của Ban quản lý trong quá trình thẩm định hồ sơ hoặc phối hợp giải quyết các vướng mắc phát sinh trong việc thực hiện hỗ trợ cho các dự án.

5. Nhà đầu tư: lập hồ sơ đề nghị hưởng hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự đầy đủ, chính xác, tính pháp lý của những văn bản, chứng từ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền.

6. Các tổ chức, cá nhân làm trái quy định này để hưởng lợi sẽ bị tính thu hồi lại khoản tiền đã hỗ trợ, bao gồm cả tiền gốc và lãi hoặc xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

2. Giao Ban quản lý các Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này, giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện hoặc tham mưu sửa đổi, bổ sung quy định này cho phù hợp thực tế phát sinh; báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các trường hợp vượt thẩm quyền.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp, Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

### **Nơi nhận:**

- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CPCT, CPVP;
- Như Điều 7;
- Các Sở: TNMT, Tư pháp, Cục thuế;
- TT Công báo tỉnh; Báo VP;
- Đài PTTH tỉnh; Công TTGTĐT tỉnh;
- CV NCTH
- Lưu: VT.
- (H- b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Trì**

